

**ÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Dũng

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp ĐM, xã ĐM1, huyện TL, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp ĐM, xã ĐM1, huyện TL, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày: anh và chị Bùi Thị Ngọc M chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2007. Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Ngọc Thuyền K, sinh ngày 24/01/2009. Vợ chồng chị tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó thì kết hôn và chung sống. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau do không

cùng quan điểm sống. Thậm chí, có lần xảy ra xung đột. Cho đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn gay gắt hơn, cãi nhau nhiều hơn và ngày càng không có tiếng nói chung. Từ tháng 9 năm 2022 thì vợ chồng anh chính thức không sống cùng nhau nữa. Hiện nay anh vẫn sống cùng cha mẹ anh và chị M đi làm xa, thỉnh thoảng về địa phương. Khi anh gửi đơn khởi kiện thì có điện thoại thông báo với chị M, chị M đồng ý ly hôn nhưng không về. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu K, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Bùi Thị Ngọc M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp ĐM, xã ĐM1, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, tại thời điểm tổng đạt các văn bản tố tụng thì chị M không có mặt ở địa phương. Theo sự xác định của địa phương thì chị M thỉnh thoảng về địa phương và lần gần nhất là dịp tết nguyên đán năm 2023. Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng đối với chị M theo quy định pháp luật.

Cháu Nguyễn Ngọc V và cháu Nguyễn Ngọc Thuyên K đang sống cùng anh N và có văn bản thể hiện ý kiến muốn tiếp tục sống cùng cha, nếu cha mẹ ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc N đối với chị Bùi Thị Ngọc M. Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 24/01/2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc M có địa chỉ thường trú tại ấp ĐM, xã ĐM1, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc N và chị Bùi Thị Ngọc M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa anh N và chị M là

tự nguyện và hợp pháp. Anh N xác định hiện nay anh và chị M đã không còn chung sống với nhau, không còn tình cảm với nhau nên anh không đồng ý quay về đoàn tụ với chị M. Mặt khác, hiện nay chị M đã bỏ đi làm và rất ít khi về thăm anh và các con. Những lần Tòa án thông báo, triệu tập thì anh N xác định có điện thoại thông báo nhưng chị M không đồng ý về. Chị M cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của anh N. Điều đó cho thấy, đời sống hôn nhân giữa anh N và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị M.

[3] Về con chung: Anh N và chị M có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 24/01/2009. Hiện các cháu V và K đang sống cùng anh N. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu. Cháu V và K đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu V và K, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu V và cháu K cho anh N nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Anh Nguyễn Ngọc N không yêu cầu chị Bùi Thị Ngọc M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định anh và chị M không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc N đối với chị Bùi Thị Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 12/10/2007 và Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 24/01/2009 cho anh Nguyễn Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Bùi Thị Ngọc M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền 0005893 ngày 09/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm